Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7203.10.00

Mã HS	7203.10.00
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm chứa sắt được hoàn nguyên trực tiếp từ quặng sắt và các sản phẩm sắt xốp khác, dạng tảng, cục hoặc các dạng tương tự; sắt có độ tinh khiết tối thiểu là 99,94%, ở dạng tảng, cục hoặc các dạng tương tự / - Các sản phẩm chứa sắt được hoàn nguyên trực tiếp từ quặng sắt
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 08:40:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/72031000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10965
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10965
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q10965
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10965
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10273
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10224
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10224
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10224
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10224
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10224
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10224
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10276
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10276
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10276
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10276

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10276
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10276
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10277
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10277
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10277
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10277
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10277
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10277
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10278
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10230
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10236
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10236
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10236
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10236
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10236
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10236
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10261
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10261
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10261
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10261
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10261
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10261
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10314
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10314
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10314
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10314

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10314
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10314
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10299
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10299
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10299
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10299
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10299
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10299
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10299
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10299
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10299
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10299
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10299
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10299
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10316
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10316
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10316
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10316
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10316
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10316
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10315
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10315
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10315
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10315
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10315
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10315

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10256
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10256
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10256
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10256
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10256
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10256
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10256
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10293
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10293
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10293
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10293
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10293
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10293
RCEP B	2022	2022	0	B!D10293
RCEP B	2023	2023	0	B!E10293
RCEP B	2024	2024	0	B!F10293
RCEP B	2025	2025	0	B!G10293
RCEP B	2026	2026	0	B!H10293
RCEP B	2027	2027	0	B!I10293
RCEP C	2022	2022	0	C!D10293
RCEP C	2023	2023	0	C!E10293
RCEP C	2024	2024	0	C!F10293
RCEP C	2025	2025	0	C!G10293
RCEP C	2026	2026	0	C!H10293
RCEP C	2027	2027	0	C!I10293
RCEP D	2022	2022	0	D!D10292

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10292
RCEP D	2024	2024	0	D!F10292
RCEP D	2025	2025	0	D!G10292
RCEP D	2026	2026	0	D!H10292
RCEP D	2027	2027	0	D!I10292
RCEP E	2022	2022	0	E!D10296
RCEP E	2023	2023	0	E!E10296
RCEP E	2024	2024	0	E!F10296
RCEP E	2025	2025	0	E!G10296
RCEP E	2026	2026	0	E!H10296
RCEP E	2027	2027	0	E!I10296
RCEP F	2022	2022	0	F!D10293
RCEP F	2023	2023	0	F!E10293
RCEP F	2024	2024	0	F!F10293
RCEP F	2025	2025	0	F!G10293
RCEP F	2026	2026	0	F!H10293
RCEP F	2027	2027	0	F!I10293
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9515
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9515
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9515
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9515

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm gang, sắt, thép cơ bản > Sản phẩm chứa sắt được hoàn nguyên trực tiếp từ quặng sắt và các sản phẩm sắt xốp khác. Dạng tảng, cục hoặc dạng tương tự; sắt có độ sạch tối thiểu 99,94% dạng tảng, cục hoặc dạng tương tự (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7203.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7203.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10965), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.